

Số: 1051/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 21 tháng 4 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hải Phòng

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018.

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 05/12/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-BGTVT ngày 11/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-BGTVT ngày 23/3/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Hải Phòng tại Tờ trình số 15/TTr-SGTVT ngày 11/4/2023.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Giao thông vận tải.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công thành phố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tại Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VPCP ; Bộ GTVT;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, Các PCT UBND TP;
- Đài PT&THHP, Báo HP, Báo ANHP;
- Công TTĐTTP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Phòng KSTTHC, XDGTCT;
- Lưu: VT *a*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
(Kèm theo Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**Bảng Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc lĩnh vực Giao thông vận tải**

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						DVC trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b>							
1	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 trong phạm vi địa phương	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở GTVT	Không có	Một phần	Trả kết quả	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 - Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ - Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022
2	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái	- 05 ngày làm việc đối với cấp lại khi Giấy	Sở GTVT	Không có	Một phần	Trả kết quả	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016



		phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 trong phạm vi địa phương	chứng nhận bị mất, bị hỏng - 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo				- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ - Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022
<b>II Lĩnh vực Đăng kiểm</b>							
3	1.001261	Cấp giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Trong ngày làm việc	Đơn vị Đăng kiểm	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-		- Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/08/2021 của Bộ Giao thông vận tải - Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21/3/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng



					BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính			Bộ Tài chính. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022
--	--	--	--	--	--	--	--	---

